

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Xuân Vĩnh và Bà Nguyễn Thị Xuân.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lương Thị Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị KL, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn 02, xã G, huyện TL, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Anh Y Đ, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn 02, xã G, huyện TL, tỉnh BT.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008;

- Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013;

Cùng nơi cư trú: Thôn 02, xã G, huyện TL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Huỳnh Thị KL, anh Y Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt); Vắng mặt cháu Y Khánh Đ, Y Thị KĐ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị KL trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ sau thời gian yêu thương tìm hiểu nhau thì tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện TL vào ngày 24/01/2005. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống

hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm lối sống, anh Đ thường xuyên không tôn trọng chị L, vợ chồng thường mâu thuẫn về chuyện làm ăn, mâu thuẫn hai vợ chồng thường xuyên trầm trọng, kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Đ.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị KL và anh Y Đ có 03 người con chung tên Y Khánh Đ1, sinh ngày 18/4/2003; Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 và Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay cháu Y Khánh Đ1 đã thành niên nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết giao 01 người con chung tên Y Thị Khánh Đan cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Đề nghị Tòa án giao cháu Y Khánh Đ, sinh ngày 24/10/2008 giao cho anh Y Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Y Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L sau thời gian yêu thương tìm hiểu nhau thì tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 đến ngày 24/01/2005 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện TL. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh Đ, chị L thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, khi xảy ra cãi vã thì anh Đ đã có hành vi đánh đập chị L nhưng không gây ra thương tích từ đó chị L bất mãn bỏ nhà đi và sống ly thân với anh Đ gần một năm nay, vợ chồng ít liên lạc hàn gắn tình cảm. Hiện nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ thì anh Đ cũng đồng ý, vì lý do công việc nên anh Đ không đến Tòa án để ký thủ tục ly hôn với chị L được nên xin được vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, xét xử.

- Về con chung: Anh Y Đ và chị Huỳnh Thị KL có 03 người con chung tên Y Khánh Đ1, sinh ngày 18/4/2003; Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 và Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay cháu Y Khánh Đ1 đã thành niên, tự nuôi bản thân được vì vậy anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 người con chung tên Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 và Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013 cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Anh Đ không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh Đ phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án nên không thể kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Y Khánh Đ2, Y Thị Khánh Đan trình bày:*

Cháu Y Khánh Đông hiện nay cháu đã nghỉ học và phụ giúp anh Đ đi cạo mủ cao su; còn cháu Y Thị Khánh Đan đang học lớp 4 trường tiểu học G, xã G, huyện TL, tỉnh BT. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ các cháu ly hôn thì cháu Y Khánh Đông mong muốn được chung sống cùng anh Y Đ, còn cháu Y Thị Khánh Đan có mong muốn được sống chung với chị Huỳnh Thị Kim L.

### **Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh BT phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013 cho chị L được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Đề nghị Tòa án giao cháu Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị KL yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 02, xã G, huyện TL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin từ chối hòa giải, xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được; Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị KL và anh Y Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện TL, tỉnh BT nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị L và anh Đ đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị L yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị L và anh Đ có 03 người con chung tên Y Khánh Đ1, sinh ngày 18/4/2003; Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 và Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013; Hiện nay cháu Y Khánh Đ1 đã thành niên nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Y Thị Khánh Đan, sinh ngày 19/02/2013 cho chị L được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi thành niên. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu Đ đang sống cùng chị L, cháu Đ cũng có nguyện vọng được chung sống cùng chị L, cháu Đ2 đang sống cùng anh Đ, cháu Đ2 cũng có nguyện vọng được chung sống cùng với anh Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con tên Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013; giao cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con tên Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 cho đến khi các con đủ 18 tuổi; chị L, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau. Anh Đ, chị L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị KL; Chị Huỳnh Thị KL được ly hôn với anh Y Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị KL được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con tên Y Thị Khánh Đ, sinh ngày 19/02/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao cho anh Y Đ được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con tên Y Khánh Đ2, sinh ngày 24/10/2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Huỳnh Thị Kim L, anh Y Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị KL phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007748 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Chị Huỳnh Thị KL đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BT;
- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã G, huyện TL, tỉnh BT (thay thông báo);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Bình**